

Ngày: 4 tháng 11 năm 2006

Tên: _____

QUỐC KỶ VIỆT NAM

Năm 1948, cựu hoàng Bảo Đại từ Hồng Kông về Việt Nam làm Quốc Trưởng, cử ông Nguyễn Văn Xuân làm Thủ Tướng. Một hội nghị chính trị dưới quyền chủ tọa của Thủ Tướng với đông đủ các nhân vật quốc gia tên tuổi, cùng đại diện các đảng phái và tôn giáo đã biểu quyết chọn Sài Gòn làm thủ đô của Quốc Gia Việt Nam, và lá cờ vàng ba sọc đỏ làm quốc kỳ.

Quốc kỳ Việt Nam do họa sĩ Lê Văn Đệ vẽ, nền cờ màu vàng rực rỡ tượng trưng cho vị trí trung tâm, tập trung chủ quyền dân tộc, ba sọc đỏ chạy song song ở giữa theo chiều ngang lá cờ tượng trưng cho ba miền Bắc-Trung-Nam thống nhất, đoàn kết một lòng xây dựng đất nước, màu đỏ tượng trưng cho phương Nam thịnh vượng. Lá cờ có chiều rộng bằng hai phần ba chiều dài, mỗi sọc có bề rộng bằng một phần mười lăm chiều rộng lá cờ. Trong buổi lễ ra mắt đồng bào của Chính phủ Nguyễn Văn Xuân ngày 2 tháng 6 năm 1948 tại Sài Gòn, lá quốc kỳ này đã được chính thức kéo lên trong tiếng quốc thiều hùng tráng. Từ đó, **cờ vàng ba sọc đỏ** luôn tung bay phất phới ở bất cứ nơi nào có chủ quyền của Quốc Gia Việt Nam.

Ngày nay, hơn hai triệu người Việt đang định cư ở khắp nơi trên thế giới tuy xa đất tổ nhưng vẫn kiên trì anh dũng giương cao ngọn cờ vàng ba sọc đỏ trong những ngày lễ truyền thống, trong các thành phố có đông đảo cộng đồng Việt Nam.

Ngữ vựng:

- ***Quốc kỳ** (national flag): cờ tượng trưng cho một nước.
- ***Cựu hoàng** (former emperor): người đã từng làm vua.
- ***Quốc Trưởng** (Head of state): người đứng đầu một nước.
- ***Thủ Tướng** (Prime minister): người đứng đầu nội các của một nước.
- ***Chủ tọa** (to be in the chair): ngôi để chủ trì, điều khiển một cuộc hội họp.
- ***Nhân vật** (figure): người có tiếng tăm, địa vị, vai trò quan trọng.
- ***Đại diện** (to represent): thay mặt.
- ***Đảng phái** (party and faction): nói chung đảng và phe phái.
- ***Tôn giáo** (religion): chỉ chung về các đạo giáo.
- ***Biểu quyết** (to decide by a vote): quyết định bày tỏ bằng cách bỏ phiếu hay giơ tay về một việc gì.
- ***Thủ đô** (capital): thành phố có chính phủ trung ương ở đó.
- ***Họa sĩ** (artist): người chuyên vẽ tranh nghệ thuật.
- ***Rực rỡ** (bright): lộng lẫy.
- ***Tượng trưng** (to represent): dùng vật này để gọi ra vật trừu tượng khác.
- ***Chủ quyền** (command): quyền riêng của mỗi quốc gia tự làm chủ lấy vận mệnh riêng của mình.
- ***Song song** (parallel): song đôi với nhau và không cắt nhau.
- ***Thống nhất** (to unify): hợp lại thành một khối.
- ***Đoàn kết** (to unite): cùng hợp lại, không chống đối nhau.
- ***Thịnh vượng** (flourishing): thịnh đạt, hưng vượng.
- ***Quốc thiều** (national anthem): nhạc của bài quốc ca.
- ***Hùng tráng** (grandiose): tạo được ấn tượng cái đẹp của sự mạnh mẽ.
- ***Phất phới** (wave): bay qua, bay lại trước gió.
- ***Kiên trì** (firmly, steadfastly): bền bỉ, giữ vững ý chí.
- ***Anh dũng** (bravely): chấp nhận khó khăn nguy hiểm để làm những việc cao đẹp.

Văn phạm:

Tính từ (Adjective)

Tính từ là chữ bổ túc nghĩa ((to give information) cần thiết cho một danh từ.

- Thí dụ: -quyển sách **hay**.
-trái banh **tròn**.
-xe **của tôi**.
-**một** cây viết.
-tuần lễ **thứ tám**.
-nón **màu đỏ**.

Học thuộc lòng:

Quốc ca

Này công dân ơi!
Đứng lên đáp lời sông núi.
Đồng lòng cùng đi, hy sinh tiếc gì than sống!
Vì tương lai quốc dân, cùng xông pha khó khăn
Làm sao cho núi sông từ nay luôn vững bền.
Dù cho thầy phời trên gươm giáo
Thù nước lấy máu đào đem báo
Nòi giống lúc biến phải cần giải nguy
Người công dân luôn vững bền tâm trí
Hùng tráng quyết chiến đấu làm cho khắp nơi
Vang tiếng người nước Nam cho đến muôn đời!
Công dân ơi!
Mau hiến thân dưới cờ!
Công dân ơi!
Mau làm cho cõi bờ!
Thoát cơn tàn phá
Vẻ vang nòi giống
Xứng danh ngàn năm giòng giống Lạc Hồng.